TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ THỌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2025
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Hà**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Thanh**
2. Ông **Khổng Đăng Hải**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Trần Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ *tham gia phiên toà:* Bà **Vũ Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2024/ TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

NgU đơn: - Chị **Trần Thị U**, sinh năm 1993
Địa chỉ: A, xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: Khu N, xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.
Bị đơn: - Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1987.
Địa chỉ: A, xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: Khu N, xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

(Chị U, anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, ngU đơn là chị Trần Thị U trình bày: Chị và anh Trần Văn T có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại: Khu N, xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn,

ngU nhân do do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, không hòa hợp, hay cãi nhau. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thảo M, sinh ngày 02/8/2013 và cháu Trần Thị Thảo T, sinh ngày 20/9/20214. Tại các biên bản hoàn giải ngày 14/11 và ngày 13/12 năm 2024 quan điểm của chị U khi ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung và không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình: Chị xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 24/2/2025 chị U có đơn xin xét xử vắng mặt về quan hệ hôn nhân, về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp chị vẫn giữ ngU quan điểm như đã trình bày bản tự khai tại tòa án, còn về con chung chị lại có nguyện vọng xin nuôi cháu Trần Thảo M còn để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thảo T chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

* Bị đơn anh Trần Văn T có bản tự khai thể hiện quan điểm:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị U đăng ký kết hôn ngày 13/12/2010 tại UBND xã Văn Lung trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau khi cưới hai vợ chồng về chung sống tại: Khu N, xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 8/2024 thì xảy ra mâu thuẫn. NgU nhân mâu thuẫn là do chị U đi chơi về khuya thì anh có tát chị U 03 cái dẫn đến vợ chồng không nói chuyện với nhau. Tuy vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng anh vẫn muốn vợ chồng đoàn tụ và anh xin sửa chữa những sai sót, không để tái phạm nữa. Nay chị U xin ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thảo M, sinh ngày 02/8/2013 và cháu Trần Thị Thảo T, sinh ngày 20/9/2014. Nếu phải ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thảo T, còn để chị U trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thảo M. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh vẫn giữ ngU quan điểm như đã trình bày trong bản tự khai. Đồng thời anh có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, điều 56, điều 58, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chị Trần Thị U được ly hôn với anh Trần Văn T.

- *Về con chung:* Để anh T nuôi dưỡng cháu T, chị U nuôi dưỡng cháu M, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Trần Thị U, anh Trần Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

- *Về tài sản chung, công nợ, công sức:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Trần Thị U phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về tố tụng***: Tranh chấp ly hôn, con chung giữa chị Trần Thị U và anh Trần Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Trần Văn T có nơi cư trú tại xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, chị U và anh T đã có lời trình bày tại Tòa án về quan điểm của mình nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Chị U, anh T có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt gửi Tòa án. Vì vậy, căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ngU đơn chị Trần Thị U, bị đơn anh Trần Văn T.

[2]. ***Về quan hệ hôn nhân***: Chị Trần Thị U kết hôn với anh Trần Văn T ngày 13/12/2010 trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại khu N, xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 8/2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. NgU nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xU cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Nay chị U xác định tình cảm vợ chồng không còn,

không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T. Qúa trình giải quyết anh T thể hiện quan điểm mặc dù vợ chồng có những mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con. Xét lời trình bày của anh T về quan hệ vợ chồng và anh mong muốn được đoàn tụ với chị U nhưng anh cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Qua biên bản xác minh và lấy ý kiến của chính quyền địa phương xã Văn Lung nơi vợ chồng anh chị chung sống, quan điểm của địa phương thể hiện quá trình chung sống tại địa phương chị U, anh T xảy ra mâu thuẫn dẫn đến chị U làm đơn xin ly hôn anh T tại Tòa án, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để đảm bảo quyền và lợi ích cho các bên đương sự. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị U và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm không hàn gắn được, không ai quan tâm đến ai, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị U khởi kiện xin ly hôn anh T là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3]. ***Về con chung***: Chị U và anh T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thảo M, sinh ngày 02/8/2013 và cháu Trần Thị Thảo T, sinh ngày 20/9/2014.Trong quá trình giải quyết vụ án, chị U có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cháu Trần Thảo M, sinh ngày 02/8/2013, còn để anh T trực tiếp nuôi con chung cháu Trần Thị Thảo T, sinh ngày 20/9/2014. Đồng thời, anh T cũng có nguyện vọng, nếu phải ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi con chung cháu Trần Thị Thảo T, sinh ngày 20/9/2014, còn để chị U được trực tiếp nuôi con chung cháu Trần Thảo M, sinh ngày 02/8/2013.

Xét thấy, nguyện vọng của chị U và anh T là hoàn toàn phù hợp với trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do vậy, giao cháu M cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4]. ***Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình:*** Chị Trần Thị U và anh Trần Văn T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. ***Về án phí***: Chị Trần Thị U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51, điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị U.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử: Chị Trần Thị U được ly hôn với anh Trần Văn T.

2.Về con chung: Giao chị Trần Thị U trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Thảo M, sinh ngày 02/8/2013; anh Trần Văn T rực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Thị Thảo T, sinh ngày 20/9/2014 cho đến khi các con chung thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị U, anh T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Chị Trần Thị U phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005388 ngày 07/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Chị Trần Thị U đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tU án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Phú Hộ;
- Đương sự;
- UBND xã Văn Lung,
thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ (2 bản);
- Lưu văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Ngọc Hà